

NGHỊ QUYẾT

**Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và
thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền
sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 2, Điều 17, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Khoản 6, Điều 7; Điểm c Khoản 1, Điểm c Khoản 2, Điểm c Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 và Điều 19 của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, như sau:

Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử- văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ các tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng); Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động; Tài sản của quỹ xã hội, tài sản quỹ từ thiện bị giải thể; Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu; tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; tài sản vô chủ; di sản không có người nhận thừa kế; trừ các tài sản quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 và điểm a điểm b điểm d Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ- CP, ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Các quy định khác về thẩm quyền xử lý, bảo quản, hình thức xử lý, trình tự, thủ tục xử lý, tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Chương VI Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ- CP, ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

b) Đối tượng áp dụng

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với tài sản như sau:

Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; tài sản vô chủ; tài sản là di sản không người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định nêu trên bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) gồm: Bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản.

Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo Hợp đồng dự án đối tác công tư do cơ quan cấp tỉnh ký hợp đồng dự án.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) thuộc phạm vi quản lý gồm: Bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định giải thể.

3. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

a) Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô các loại và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định tịch thu.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định tịch thu (trừ bất động sản, xe ô tô các loại và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) .

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc các huyện, thị xã, thành phố quyết định tịch thu (trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh).

b) Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Cơ quan thi hành án cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án cấp Quân khu chuyển giao; tài sản do Cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao là bất động sản, xe ô tô và các loại tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc thẩm quyền của các Sở, ban, ngành tỉnh quyết định tịch thu có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án các huyện, thị xã, thành phố chuyển giao (trừ tài sản là bất động sản, xe ô tô và các loại tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

c) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; tài sản là bất động sản vô chủ; tài sản không xác định được chủ sở hữu; di sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (trừ tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô các loại và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Bùi Văn Nghiêm